UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1197 /UBND-NL$_1$ V.v báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình XD NTM	*Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 6 năm 2013*

Kính gửi: Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh

Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có Văn bản số 10/BCĐTW ngày 27/5/2013, về việc báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (có bản chụp gửi kèm); Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lê Đình Sơn có ý kiến như sau:

Giao Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, kịp thời (theo đề cương biểu mẫu gửi kèm), gửi Uỷ ban nhân dân tỉnh trước ngày 20/6/2013 để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu tại văn bản nêu trên./.

Nơi nhận: - Như trên; - Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Đình Sơn; - Chánh VP; PVP Nguyễn Duy Nghị; - Lưu: VT, TH, NL$_1$. - Gửi: Bản giấy và điện tử.	**TL. CHỦ TỊCH** **CHÁNH VĂN PHÒNG** **Nguyễn Hồng Lĩnh**

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 10/BCĐTW	*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2013*

V/v báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

NG UBND TỈNH
1817
30/5/13

Kính gửi: Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chương trình công tác năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, để chuẩn bị cho Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đề nghị Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của địa phương *(nội dung báo cáo theo đề cương đính kèm, chi tiết các bảng biểu phụ lục được đăng trên website của Chương trình: nongthonmoi.gov.vn)*.

Đề nghị Ban Chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương hoàn chỉnh báo cáo gửi về Ban Chỉ đạo Trung ương **trước ngày 30/6/2013** để kịp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Địa chỉ gửi báo cáo: Văn phòng điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới - nhà B9, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; và theo địa chỉ thư điện tử: vpdptw@gmail.com./.

(Thông tin chi tiết xin liên hệ đồng chí Đặng Văn Cường – Số điện thoại: 04.3843.8617 hoặc 090.4209919; số máy fax: 04.3843.8791).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, KTHT, VPĐP.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Cao Đức Phát

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG 3 NĂM VÀ NĂM 2013

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành quản lý

1.1. Kết quả lập và hoạt động của Ban chỉ đạo (BCĐ) và bộ phận giúp việc BCĐ ở các cấp tỉnh, huyện, xã từ khi triển khai Chương trình.

1.2. Việc ban hành các văn bản điều hành Chương trình:

Báo cáo về các văn bản đã được ban hành phục vụ triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Chương trình NTM) trên địa bàn Tỉnh, nội dung bao gồm:

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung xây dựng NTM về tổ chức bộ máy triển khai; tổ chức thực hiện các nội dung như: công tác tuyên truyền, lập quy hoạch, đề án, về xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, huy động và lồng ghép nguồn vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng, quy trình thủ tục thanh quyết toán…;

(Một số tỉnh bổ sung các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kết quả thực hiện riêng cho huyện điểm (5 huyện điểm của cả nước), 11 xã điểm của Ban Bí thư TƯ, 3 xã điểm do Chủ tịch nước bảo trợ, 01 xã điểm do Tổng Bí thư chỉ đạo).

- Văn bản phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, chỉ đạo điểm các cấp…

1.3. Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế về công tác chỉ đạo, các tồn tại liên quan đến bộ máy thực hiện Chương trình, sự phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn cho xây dựng NTM. Xác định nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Báo cáo tổng hợp kết quả công tác thông tin, tuyên truyền, vận động toàn bộ hệ thống chính trị và cộng đồng tham gia triển khai Chương trình.

- Nội dung bao gồm:

+ Kết quả công tác tuyến truyền vận động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng NTM ở các cấp (số hoạt động, hình thức, nội dung tuyên truyền vận động, số lượt người tham dự…), kinh phí tổ chức thực hiện.

+ Kết quả tổ chức hưởng ứng các cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới" và hưởng ứng Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".

- Đánh giá kết quả đạt được về thay đổi nhận thức trong đội ngũ cán bộ các cấp và nhân dân về xây dựng nông thôn mới; những thuận lợi và khó khăn, hạn chế. Xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

3. Công tác đào tạo, tập huấn

- Kết quả chung toàn tỉnh đã thực hiện về đào tạo, tập huấn các cấp, xây dựng tài liệu đào tạo, kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác…

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện; sự thay đổi trong 3 năm, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, mức độ đáp ứng nhu cầu. Đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện.

4. Về huy động nguồn lực

- Kết quả huy động nguồn lực cho các nội dung thực hiện (nêu cụ thể nguồn vốn ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép; nguồn lực của doanh nghiệp; đóng góp của người dân, lũy kế 3 năm và năm 2013).

- Kết quả giải ngân phân theo nội dung công việc thực hiện và nguồn vốn.

- Đánh giá chung về công tác huy động nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM

1.1. Lập quy hoạch xây dựng NTM:

- Kết quả chung toàn tỉnh triển khai công tác xây dựng quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, công bố và cắm mốc quy hoạch.

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện: chất lượng, tiến độ; thuận lợi và khó khăn; nguyên nhân chậm trễ; giải pháp tháo gỡ.

1.2. Lập đề án NTM:

- Kết quả triển khai công tác xây dựng đề án NTM. Số xã đang lập, số đã hoàn thành phê duyệt đề án NTM.

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện, sự thay đổi trong 3 năm: chất lượng, tiến độ; thuận lợi và khó khăn; nguyên nhân chậm trễ; giải pháp tháo gỡ.

(Số liệu tổng hợp như trong biểu đính kèm)

2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

- Kết quả chung toàn tỉnh đạt được về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập:

+ Các đề án, dự án phát triển sản xuất đã được xây dựng, thực hiện.

+ Các hoạt động đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển mô hình, tổ chức sản xuất và liên kết sản xuất, tín dụng, chuỗi giá trị…

- Đánh giá chung về kết quả các hoạt động, sự thay đổi trong 3 năm; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; đề xuất, kiến nghị giải pháp thực hiện.

(Số liệu tổng hợp như trong biểu đính kèm)

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng: theo các nhóm tiêu chí, theo nguồn vốn…

- Tổng vốn huy động và vốn đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện, sự thay đổi trong 3 năm. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, mức độ đáp ứng nhu cầu. Đề xuất, kiến nghị về những giải pháp thực hiện.

(Số liệu tổng hợp như trong biểu đính kèm)

4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường

- Kết quả chung toàn tỉnh về thực hiện các nội dung về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện, sự thay đổi trong 3 năm. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, mức độ đáp ứng nhu cầu. Đề xuất, kiến nghị về những giải pháp thực hiện.

(Số liệu tổng hợp như trong biểu đính kèm)

5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

- Kết quả thực hiện các nội dung về hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội theo từng tiêu chí.

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện, sự thay đổi trong 3 năm. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, mức độ đáp ứng nhu cầu. Đề xuất, kiến nghị về những giải pháp thực hiện.

(Số liệu tổng hợp như trong biểu đính kèm)

6. Kết quả tổng hợp thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Số xã đạt số tiêu chí theo 5 nhóm, số xã đạt từng tiêu chí.

(Theo biểu 3a, 3b)

7. Đánh giá chung về triển khai thực hiện Chương trình và kiến nghị đề xuất

- Những mặt được.

- Những khó khăn, vướng mắc.

- Đề xuất, kiến nghị (tập trung vào công tác chỉ đạo, tổ chức quản lý, điều hành Chương trình, bố trí cán bộ chuyên trách ở các cấp, đơn vị giúp việc BCĐ

cấp huyện; công tác quy hoạch; phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; huy động và bố trí nguồn lực; cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương).

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2014-2015

Một số mục tiêu và giải pháp để thực hiện Chương trình trong thời gian tới:

1. Chỉ số chung

- Số xã đạt chuẩn.

- Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân của nhóm phấn đấu đạt chuẩn 2015: số tiêu chí/xã.

- Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân của nhóm xã còn lại: số tiêu chí/xã.

- Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân chung của toàn tỉnh: số tiêu chí/xã.

- Số xã khó khăn trong nhóm 5.

- Các mục tiêu khác.

2. Công tác quản lý, chỉ đạo Chương trình

3. Công tác tuyên truyền, vận động và thi đua xây dựng NTM

4. Công tác đào tạo, tập huấn

5. Huy động và bố trí nguồn lực.

- Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã); vốn lồng ghép từ các dự án, chương trình có mục tiêu; nguồn lực huy động doanh nghiệp và nhân dân… những giải pháp huy động nguồn lực thực hiện xây dựng NTM.

- Phân bổ nguồn vốn thực hiện triển khai Chương trình.

6. Về chỉ đạo thực hiện các nội dung xây dựng NTM

6.1. Lập quy hoạch và đề án xây dựng NTM

- Rà soát chất lượng quy hoạch chung;

- Lập quy hoạch chi tiết;

- Xây dựng đề án cấp xã.

6.2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

6.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

6.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường

6.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

Biểu 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27/5/2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

Ngày lập báo cáo:	
Số liệu báo cáo tính đến ngày:	
A1:Tên Tỉnh:	
A2:Tổng số Huyện, Thị trấn:	
A3:Tổng số Huyện điểm:	
A4:Tổng số xã:	
A5:Tổng số xã điểm:	
A6: Tổng số thôn, bản, ấp:	
A7: Tổng số thôn, bản, ấp thuộc các xã điểm:	

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
								2011		2012		2013		
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	1	**QUI HOẠCH**												
	1.1	**Xây dựng Đề án Quy hoạch xây dựng NTM**												
	1.1.1	Quy hoạch chung (không gian tổng thể toàn xã)	Số xã hoàn thành											
	1.1.2	Quy hoạch sử dụng đất	Số xã hoàn thành											
	1.1.3	Quy hoạch sản xuất (chi tiết)	Số xã hoàn thành											
	1.1.4	Quy hoạch hạ tầng kinh tế - xã hội (chi tiết)	Số xã hoàn thành											
	1.1.5	Số lượt người được đào tạo, tập huấn về lập và quản lý quy hoạch cho cấp huyện, xã, thôn, bản, ấp	Lượt người											Tổng số lượt người được đào tạo cho cán bộ cấp huyện, xã, thôn, bản, ấp
	1.2	**Thực hiện Quy hoạch xây dựng NTM**	%											
	1.2.1	Số xã đã công bố Quy hoạch	Xã											
	1.2.2	Số xã đã cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch	Xã											Ghi số xã đã hoàn thành trên 80% cắm mốc chỉ giới theo QH được phê duyệt

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
								2011		2012		2013		
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	1.3	Lập Đề án NTM												
	1.3.1	Chưa lập Đề án NTM	Xã											
	1.3.2	Đã được phê duyệt Đề án NTM	Xã											
2	2	GIAO THÔNG												
	2.1	Tổng số đường trục xã được quy hoạch đạt chuẩn	km											
	2.2	Số km đường trục xã đã được bê tông hóa, nhựa hóa đạt chuẩn và coi như đạt chuẩn	km											"Coi như đạt chuẩn" là: bề rộng mặt đường mới đáp ứng tối thiểu 80% quy chuẩn nhưng không thể mở rộng, nhưng có điểm tránh xe thuận tiện. Các tiêu chuẩn khác đạt chuẩn.
	2.3	Tổng số km đường trục thôn, bản, ấp hiện có được quy hoạch đạt chuẩn NTM	km											
	2.4	Số km đường trục thôn, bản, ấp đã được cứng hóa đạt chuẩn và coi như đạt chuẩn	km											
	2.5	Tổng số km đường ngõ xóm được quy hoạch NTM	km											
	2.6	Số km đường ngõ, xóm sạch, đã đạt chuẩn, không bị lầy lội vào mùa mưa	km											Đường ngõ, xóm đủ chiều rộng, được cứng hóa bằng bê tông, nhựa hoặc các vật liệu khác
	2.7	Tổng số km đường trục chính nội đồng được quy hoạch theo NTM	km											
	2.8	Số km đường trục chính nội đồng đã được cứng hóa, đạt chuẩn và coi như đạt chuẩn	km											"Coi như đạt chuẩn" là: Đường còn sử dụng tốt nhưng chỉ đảm bảo 80% bề rộng mặt đường theo quy định, có điểm tránh xe thuận tiện. Các tiêu chuẩn khác đạt chuẩn
	2.9	Số cầu, cống dân sinh được cải tạo, xây mới	Cầu, cống											
	2,10	Tổng diện tích đất do người dân hiến đất phục vụ xây dựng hạ tầng phục vụ SX và dân sinh	1000 m2											
	-	Trong đó: Đất thổ cư	1000 m2											
3	3	THỦY LỢI												
	3.1	Tổng diện tích trồng trọt được quy hoạch cần tưới tiêu chủ động	ha											
	3.2	Diện tích trồng trọt đã được tưới tiêu chủ động	ha											

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	3.3	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản được quy hoạch cần cấp thoát nước chủ động	ha											
	3.4	Diện tích nuôi trồng thủy sản đã được cấp, thoát nước chủ động	ha											
	3.5	Tổng số công trình thủy lợi được quy hoạch cần cải tạo, nâng cấp	Công trình											
	3.6	Số công trình thủy lợi đã được cải tạo nâng cấp	Công trình											
	3.7	Tổng số km kênh mương do xã quản lý được quy hoạch cần đạt chuẩn	km											
	3.8	Số km kênh mương do xã quản lý đã được kiên cố hóa đạt chuẩn	km											
	3.9	Tổng số km đê bao, bờ bao chống lũ quy hoạch cần đạt chuẩn	km											
	3.10	Tổng số km bờ bao chống lũ đã được cải tạo, nâng cấp theo quy hoạch	km											
4	4	**ĐIỆN**												
	4.1	Số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn	Xã											
	4,2	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%											
5	5	**TRƯỜNG HỌC**												
	5.1	Tổng số trường hệ mầm non được quy hoạch cần đạt chuẩn	Trường											
	5.2	Số trường hệ mầm non đã đạt chuẩn	Trường											Bao gồm cả các "điểm" trường ở các thôn bản ấp thuộc xã (miền núi vùng sâu, vùng xa)
	5.3	Tổng số trường tiểu học của xã được quy hoạch cần đạt chuẩn	Trường											
	5.4	Số trường tiểu học đã đạt chuẩn	Trường											
	5.5	Trường THCS xã được quy hoạch cần đạt chuẩn	Trường											
	5.6	Số trường THCS đã đạt chuẩn	Trường											
6	6	**CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA**												
	6.1	Tổng số nhà văn hóa xã được quy hoạch cần đạt chuẩn	Nhà văn hóa											
	6.2	Số nhà văn hóa xã đã đạt chuẩn	Nhà văn hóa											

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	6.3	Tổng số trung tâm thể thao xã được quy hoạch cần đạt chuẩn NTM	Trung tâm TT											
	6.4	Số trung tâm thể thao xã đã đạt chuẩn	trung tâm TT											
	6.5	Tổng số nhà văn hóa thôn, bản, ấp được quy hoạch cần đạt chuẩn NTM	Nhà văn hóa											
	6.6	Số nhà văn hóa thôn, bản, ấp đã đạt chuẩn	Nhà văn hóa											
	6.7	Tỷ lệ thôn, bản, ấp (hoặc cụm thôn) có nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn	%											
	6.8	Tổng diện tích đất do người dân hiến đất dành xây dựng nhà văn hóa, trung tâm thể thao cấp xã, thôn, bản, ấp	1000 m2											
7	7	CHỢ NÔNG THÔN												
	7.1	Số chợ xã được quy hoạch cần đạt chuẩn	chợ											
	7.2	Số chợ đã đạt chuẩn	chợ											
8	8	BƯU ĐIỆN												
	8.1	Số xã có điểm bưu chính viễn thông được quy hoạch đạt chuẩn NTM	xã											
	8.2	Số điểm bưu chính, viễn thông đã đạt chuẩn	điểm											
	8.3	Số xã có internet đến thôn	xã											
	8.4	Số hộ gia đình sử dụng dịch vụ cáp đường truyền internet	%											
9	9	NHÀ Ở DÂN CƯ												
	9.1	Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn	nhà											
	9.2	Số nhà tạm, dột nát	nhà											
	9.3	Số nhà đạt chuẩn (Bộ XD)	nhà											
	9.4	Tỷ lệ nhà đạt chuẩn (Bộ XD)	%											
10	10	THU NHẬP												
	10.1	Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn	triệu đồng											
	10.2	Số xã đã đạt chuẩn NTM về thu nhập	xã											
	10.3	Số xã có thu nhập chưa đạt chuẩn Trong đó:	xã											
	-	Số xã có thu nhập dưới 50% mức chuẩn	xã											Tính theo khu vực (vùng sinh thái)

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	-	Số xã có thu nhập đạt từ 50 - dưới 70% mức chuẩn	xã											
	-	Số xã có thu nhập đạt từ 70 - 90 % mức chuẩn	xã											
11	11	**HỘ NGHÈO**												
	11.1	Tổng số xã nghèo thuộc diện "135", xã nghèo thuộc diện "30a"	xã											
	11.2	Tỷ lệ hộ nghèo	%											
12	12	**TỶ LỆ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM THƯỜNG XUYÊN (tính cho khu vực nông thôn)**												Lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã
	12.1	Tổng số lao động trong độ tuổi	người											
	12.2	Số lao động có việc làm thường xuyên (35 giờ/tuần hoặc 20 ngày/tháng) cả trong và ngoài địa bàn xã	người											
	12.3	Số lao động của xã lafmv iệc trong Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng	người											
	12.4	Số người thường xuyên đi lao động ngoại tỉnh	người											
	12.5	Số người đi xuất khẩu lao động	người											
	12.6	Số lao động được đào tạo (có chứng chỉ nghề) trong đó	người											
		- Nông nghiệp	người											
		- Phi nông nghiệp	người											
	12.7	Số lớp đào tạo, tập huấn nghề đã được tổ chức	lớp											
13	13	**HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT**												
	13.1	Tổng số hợp tác xã trên địa bàn	HTX											Tổng số HTX trên địa bàn nông thôn thuộc tất cả các lĩnh vực
	-	Trong đó: Hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản	HTX											
	13.2	Số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	HTX											
	13.3	Tổng số tổ hợp tác	THT											Tổng số THT trên địa bàn nông thôn thuộc tất cả các lĩnh vực
	-	Trong đó: Tổ hợp tác thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản	THT											

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	13.5	Số THT hoạt động có hiệu quả	THT											
14	14	GIÁO DỤC												
	14.1	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đi học	%											
	14.2	Số xã đạt phổ cập giáo dục THCS theo tiêu chí 1	xã											Theo Quyết định số 26/2001/QĐ-BGD&ĐT
	14.3	Số xã đạt phổ cập giáo dục THCS theo tiêu chí 2	Số xã											
	14.4	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tiếp THPT, bổ túc, trường nghề	%											
15	15	Y TẾ												
	15.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (các loại)	%											Các loại gồm: BHYT Nhà nước, các loại BH nhân thọ khác của các công ty phi nhà nước
	15.2	Số xã có trạm y tế được quy hoạch cần đạt chuẩn	xã											
	15,3	Số xã có trạm y tế đạt chuẩn	xã											
16	16	VĂN HÓA												
	16.1	Tỷ lệ Hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa	%											
	16.2	Tỷ lệ thôn, bản đạt chuẩn làng văn hóa	%											
17	17	MÔI TRƯỜNG												
	17.1	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo chuẩn (Bộ Nông nghiệp và PTNT)	%											
	17.3	Số công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung được xây dựng có hoạt động	công trình											Không bao gồm các công trình của gia đình
	17.4	Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn xã. Trong đó:												
		- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	cơ sở											
		- Chế biến lương thực - thực phẩm	cơ sở											
		- Chăn nuôi tập trung	cơ sở											Quy mô chăn nuôi: từ 10 lợn thịt và nái hoặc 3 trâu bò hoặc 200 gia cầm trở lên
	17.5	Số cơ sở SX KD đạt chuẩn về môi trường. Trong đó:	cơ sở											

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	cơ sở											
		- Chế biến lương thực - thực phẩm	cơ sở											
		- Chăn nuôi tập trung	cơ sở											
	17.6	Số xã có tổ hoặc HTX môi trường	Số xã											Bao gồm: thu gom, xử lý rác, khơi thông cống rãnh, tiêu thoát nước và xử lý nước thải
	17.7	Tổng số các tổ hợp tác, hợp tác xã môi trường												
		- Tổ hợp tác	Tổ hợp tác											
		- HTX	HTX											
	17.8	Tổng số nghĩa trang nhân dân trên địa bàn	nghĩa trang											
	17.9	Số nghĩa trang nhân dân được xây dựng và quản lý theo quy hoạch	nghĩa trang											
	17.10	Số hộ gia đình còn có mộ mai táng trong khuân viên nơi ở (nếu có)	Hộ											Áp dụng cho các hộ đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Tây Bắc
	17.11													
	17.12	Số hộ gia đình đã cải tạo, làm mới hàng rào (bao quanh nhà ở)	hộ											
	17.13	Tỷ lệ hộ gia đình có đủ 3 công trình vệ sinh theo chuẩn (hố xí, nhà tắm, bể nước hoặc nước máy)	%											
18	18	HỆ THỐNG TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI												
	18.1	Tổng số cán bộ xã	người											
	18.2	Số xã đã đạt chuẩn	người											
	18.3	Số cán bộ xã, thôn được tập huấn NTM	người											Bao gồm Đảng ủy, UBND và cán bộ thôn, các đoàn thể chính trị từ thôn đến xã
	18.4	Số Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch vững mạnh"	%											
	18.5	Tỷ lệ Đảng bộ xã đạt chuẩn về tiêu chí "Trong sạch vững mạnh"	%											

STT	Tiêu chí NTM	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính (đối với số lượng)	2010 (Dữ liệu kỳ gốc)		Kế hoạch đến 2015		Kết quả thực hiện						Ghi chú
				số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	2011		2012		2013		
								Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	18.6	Số UBND xã đạt tiêu chuẩn " Vững mạnh"	UBND											
	18.7	Tỷ lệ UBND xã đạt tiêu chuẩn "Vững mạnh"	%											
	18.8	Số đoàn thể chính trị xã hội đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	đoàn thể											
	18.9	Tỷ lệ đoàn thể chính trị xã hội đạt danh hiệu tiến trở lên	%											
19	19	**AN NINH TRẬT TỰ XÃ HỘI**												
		Tỷ lệ xã đạt tiêu chí an ninh trật tự xã hội	%											

Biểu 2a

KẾT QUẢ TỔNG HỢP VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27/5/2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu phấn đấu đến 2015	Kế hoạch thực hiện năm 2013	Kết quả thực hiện				Kế hoạch năm 2014
				2011	2012	2013	Lũy kế 3 năm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=5+6+7	(9)
1	**Vốn trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới**							
1,1	Ngân sách Trung ương							
1,2	Ngân sách tỉnh							
1,3	Ngân sách huyện							
1,4	Ngân sách xã							
2	**Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác**							
3	**Vốn tín dụng**							
4	**Vốn huy động từ doanh nghiệp**							
5	**Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư**							
6	**Vốn huy động từ nguồn khác (con em xa quê, từ thiện...)**							
	Tổng số							

Biểu 2b

KẾT QUẢ CHI TIẾT NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27 /5/2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 2011-2012										Kết quả thực hiện 2013										Lũy kế 3 năm thực hiện 2011-2013									
		Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng 2011-2012	Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng 2013	Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng
		TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã							TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã							TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
1	QUI HOẠCH NÔNG THÔN MỚI																														
1,1	Hoàn thành quy hoạch																														
1,2	Cắm mốc quy hoạch																														
1,3	Đào tạo, tập huấn về lập và quản lý quy hoạch cho cấp huyện, xã, thôn, bản, ấp																														
2	GIAO THÔNG																														
2,1	Làm đường trục xã																														
2,2	Làm đường trục thôn, bản, ấp, xóm																														
2,3	Làm đường ngõ xóm																														
2,4	Làm đường trục nội đồng																														
2,5	Làm cầu, cống dân sinh (cải tạo, xây mới)																														
3	THỦY LỢI																														
3,1	Làm mới công trình thủy lợi, trạm bơm																														
3,2	Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi, trạm bơm																														
3,3	Kiên cố hóa kênh mương do xã quản lý																														
3,4	Cải tạo đê, bờ bao chống lũ																														
4	ĐIỆN																														
4,1	Cải tạo hệ thống điện chung																														
4,2	Cải tạo điện gia đình (đồng hồ điện...)																														
5	TRƯỜNG HỌC																														
5,1	Cải tạo, nâng cấp các trường mầm non, mẫu giáo																														
5,2	Cải tạo, nâng cấp các trường THCS																														
5,3	Cải tạo, nâng cấp các trường tiểu học																														
6	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA																														
6,1	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa xã																														
6,2	Cải tạo, nâng cấp các trung tâm thể thao xã																														
6,3	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa thôn, bản, ấp																														
6,4	Cải tạo, nâng cấp các trung tâm thể thao thôn, bản, ấp																														
7	CHỢ NÔNG THÔN																														
7,1	Cải tạo, nâng cấp chợ																														
7,2	Xây mới chợ																														
8	BƯU ĐIỆN																														
8,1	Nâng cấp, xây mới điểm phục vụ bưu chính																														
8,2	Đầu tư cung cấp internet đến thôn																														
9	NHÀ Ở DÂN CƯ																														
9,1	Vốn cải tạo, nâng cấp, xây mới xóa nhà tạm																														
9,2	Vốn xây nhà tình nghĩa																														
10	PTSX, NÂNG CAO THU NHẬP																														
10,1	Đầu tư xây dựng mô hình phát triển sản xuất trong nông lâm thủy sản																														
10,2	Đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ...																														
10,3	Các nội dung khác....																														
11	HỘ NGHÈO																														

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 2011-2012										Kết quả thực hiện 2013										Lũy kế 3 năm thực hiện 2011-2013									
		Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng 2011-2012	Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng 2013	Vốn trực tiếp cho Chương trình				Lồng ghép	Vốn tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng
		TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã							TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã							TƯ	Tỉnh	Huyện	Xã						
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
11,1	Vốn đã cho các hộ nghèo vay để PTSX																														
12	**TỶ LỆ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM THƯỜNG XUYÊN (tính cho khu vực nông thôn)**																														
12,1	Đào tạo, tập huấn nghề được tổ chức trong năm cho các xã																														
13	**HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT**																														
13,1	Vốn đầu tư phát triển các HTX, THT																														
14	**GIÁO DỤC**																														
14,1	Các nội dung chi khác cho Giáo dục																														
15	**Y TẾ**																														
15,1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã																														
15,2	Các nội dung chi khác cho Y tế																														
16	**VĂN HÓA**																														
16,1	Chi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ																														
17	**MÔI TRƯỜNG**																														
17,1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước, thoát nước tập trung																														
17,2	Đầu tư cải tạo điều kiện vệ sinh môi trường các cơ sở SX-KD, chăn nuôi, doanh nghiệp tại địa bàn các xã																														
17,3	Đầu tư hạ tầng, thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt																														
17,4	Tỷ lệ thôn, bản, ấp có công trình, bể gom rác thải sinh hoạt																														
17,5	Cải tạo, di chuyển, quản lý nghĩa trang																														
17,6	Cải tạo, làm mới hàng rào bao quanh nhà ở khu dân cư																														
17,7	Cải tạo, xây mới 3 công trình hợp vệ sinh																														
18	**CÁC HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN KHÁC**																														
18,1																															
19	**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN KHÁC**																														
19,1																															
20	**CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÁC**																														
20,1																															

Biểu 3a

ĐÁNH GIÁ TỔNG SỐ XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO NHÓM

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27/5/2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

TT	Nhóm	Kết quả đạt tiêu chí NTM	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Mục tiêu đến 2015	Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	Nhóm 1	Số xã đạt 19 tiêu chí								Tên xã:
2	Nhóm 2	Số xã đạt 18 tiêu chí								Tên xã:
3		Số xã đạt 17 tiêu chí								Tên xã:
4		Số xã đạt 16 tiêu chí								
5		Số xã đạt 15 tiêu chí								
6	Nhóm 3	Số xã đạt 14 tiêu chí								
7		Số xã đạt 13 tiêu chí								
8		Số xã đạt 12 tiêu chí								
9		Số xã đạt 11 tiêu chí								
10		Số xã đạt 10 tiêu chí								
11	Nhóm 4	Số xã đạt 09 tiêu chí								
12		Số xã đạt 08 tiêu chí								
13		Số xã đạt 07 tiêu chí								
14		Số xã đạt 06 tiêu chí								
15		Số xã đạt 05 tiêu chí								
16	Nhóm 5	Số xã đạt 04 tiêu chí								
17		Số xã đạt 03 tiêu chí								
18		Số xã đạt 02 tiêu chí								
19		Số xã đạt 01 tiêu chí								Tên xã:
20		Số xã đạt 0 tiêu chí								Tên xã:
										Tên xã:

** Tên các xã có thể đính kèm danh sách*

Biểu 3b

ĐÁNH GIÁ TỔNG SỐ XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO TỪNG TIÊU CHÍ

(Kèm theo Công văn số 10 /BCĐTW ngày 27/5/2013 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)

TT	Số xã đạt Tiêu chí NTM	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Mục tiêu đến 2015	Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	Xã đạt tiêu chí số 1								
2	Xã đạt tiêu chí số 2								
3	Xã đạt tiêu chí số 3								
4	Xã đạt tiêu chí số 4								
5	Xã đạt tiêu chí số 5								
6	Xã đạt tiêu chí số 6								
7	Xã đạt tiêu chí số 7								
8	Xã đạt tiêu chí số 8								
9	Xã đạt tiêu chí số 9								
10	Xã đạt tiêu chí số 10								
11	Xã đạt tiêu chí số 11								
12	Xã đạt tiêu chí số 12								
13	Xã đạt tiêu chí số 13								
14	Xã đạt tiêu chí số 14								
15	Xã đạt tiêu chí số 15								
16	Xã đạt tiêu chí số 16								
17	Xã đạt tiêu chí số 17								
18	Xã đạt tiêu chí số 18								
19	Xã đạt tiêu chí số 19								
20	Xã đạt 0 tiêu chí NTM								